

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày 05-9-2022
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa và ông Hồ Đức Châm

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Khổng Cường A; địa chỉ: Đường P, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N; địa chỉ: Đường Đ, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N: Bà Chu Thị Nguyễn P; địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Cháu Khổng Hoàng G, Khổng Anh T, Khổng Nhã C; địa chỉ: Đường P, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cháu Khổng Hoàng G, Khổng Anh T, Khổng Nhã C: Anh Khổng Cường A; địa chỉ: Đường P, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Tô Văn H; địa chỉ: Đường P, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Anh Phạm Trung K; địa chỉ: Đường Đ, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Bà Hoàng Hồng H; địa chỉ: Đường H, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: Đường H, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Khổng Cường A; ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N đều là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xác định giữa bà và chị Phạm Thúy P do có mối thân quen từ trước nên ngày 20/5/2021, bà đã chuyển cho chị Phạm Thúy P vay số tiền 2.461.150.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 8400205235530 của Tô Văn H tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh L theo yêu cầu của chị Phạm Thúy P. Trước đó, chị Phạm Thúy P còn nợ bà số tiền 2.000.000 đồng. Cùng ngày, chị Phạm Thúy P đã trả cho bà tiền trung là $390.000 \text{ NDT} \times 3685 \text{ đồng/NDT} = 1.437.150.000 \text{ đồng}$ (giá quy đổi 1 tệ là 3685 đồng). Như vậy, chị Phạm Thúy P chỉ còn nợ bà số tiền 1.026.000.000 đồng. Chị Phạm Thúy P hẹn ngày 27/5/2021 trả tiền cho bà thì ngày 26/5/2021, chị Phạm Thúy P chết. Bà đã đến nhà thông báo cho chồng và bố mẹ chị Phạm Thúy P nhưng họ không trả nên bà đã khởi kiện tại Tòa án. Bà được biết tài sản của chị Phạm Thúy P để lại nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích $116,2\text{m}^2$; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 193535; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1030); được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hồ sơ đăng ký biến động 002297 CNVP ngày 19/9/2011 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố L; trên đất có nhà 03 tầng.

- Thửa đất số 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m²; địa chỉ thửa đất lô LK.B2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 153168; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1090); được đăng ký tên ông Không Cường A do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/6/2009, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lạng Sơn đăng ký biến động ngày 16/7/2009. Chị Phạm Thúy P chết đột ngột, không để lại di chúc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H yêu cầu các bị đơn là anh Không Cường A, ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N phải trả cho bà số tiền 1.024.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng), về lãi bà không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Không Cường A trình bày: Trong thời gian vợ chồng chung sống và cho đến trước khi vợ anh (chị Phạm Thúy P) chết, vợ anh không vay nợ của ai. Bà Nguyễn Thị H cho rằng đã cho vợ anh vay số tiền 1.026.000.000 đồng chuyển qua tài khoản mang tên anh Tô Văn H là không có căn cứ. Anh đề nghị Tòa án xác định lại đối tượng khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này. Đối với khoản vay trên, gia đình anh không liên quan, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N cho biết con gái của ông, bà (là chị Phạm Thúy P) lấy chồng năm 2008, sau đó ra ở riêng cùng chồng (anh Không Cường A) cho đến ngày 26/5/2021 chết. Con gái của ông bà không vay nợ của ai, việc chuyển tiền vay nợ là giữa bà Nguyễn Thị H và anh Tô Văn H khác giao dịch với nhau, con gái ông bà không có liên quan. Tòa án cần phải xem xét lại đối tượng khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này. Vì vậy, ông, bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Tô Văn H trình bày: Năm 2015, anh làm nhân viên quán hát karaoke của em trai chị Phạm Thúy P là Phạm Trung K, địa chỉ quán hát: Đường P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do dịch bệnh quán vắng khách, không làm ăn được nên anh được chị Phạm Thúy P thuê làm lái xe. Công việc chính là đưa đón chị Phạm Thúy P đi công việc và đưa đón các con chị Phạm Thúy P đi học, với mức lương là 5.000.000đ/tháng. Khoảng đầu năm 2018, chị Phạm Thúy P (tên thường gọi ở nhà là T) có nhờ anh đứng tên mở số tài khoản 8400205235530 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh L và số tài khoản 030044255266 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), chị Phạm Thúy P dùng số điện thoại 0915481184 của chị để sử dụng thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên điện thoại. Sau khi mở tài khoản, anh được đưa chị Phạm Thúy P đi chuyển tiền và rút tiền rất nhiều lần, những lần rút tiền anh phải vào Ngân hàng ký rồi sau đó đưa số tiền đã rút cho chị Phạm Thúy P trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 20/5/2021, anh được đưa chị Phạm Thúy P đi rút số tiền 3.427.942.000 đồng; ngày 24/5/2021, đi rút số tiền

8.169.610.000 đồng, đều rút tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh L. Sau đó, chị Phạm Thúy P cầm tiền để làm gì thì anh không biết đến ngày 26/5/2021, chị Phạm Thúy P chết. Ngày 31/5/2021, anh được em trai của chị Phạm Thúy P là anh Phạm Trung K bảo anh dẫn ra Ngân hàng nông nghiệp làm thủ tục rút số tiền 697.061.366 đồng. Cùng ngày hôm đó, ra Ngân hàng Sacombank rút số tiền 696.500.000 đồng, sau đó anh Phạm Trung K cầm tiền về làm gì thì anh không biết. Ngày 07/6/2021, anh Phạm Trung K bảo anh ra Ngân hàng nông nghiệp để đóng số tài khoản 8400205235530 vì chị Phạm Thúy P đã chết nên không ai sử dụng tài khoản này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Trung K, bà Hoàng Hồng H, ông Nguyễn Văn C không hợp tác nên không có bản khai, biên bản lấy lời khai, đã triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2022/QĐ-SCBSBA ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 5 Điều 147; các Điều 157, 158, 159, 160, 161, 165, 166, 217, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 615, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Không Cường A, ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N, cháu Không Hoàng G; cháu Không Anh T, cháu Không Nhã C do anh Không Cường Anh là đại diện có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.024.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng) trong phạm vi di sản thừa kế của chị Phạm Thúy P để lại (là giá trị tài sản nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng gồm có: Nhà, đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn) + giá trị thửa đất số 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m²; địa chỉ thửa đất lô LK.B2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 04 ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2021/QĐ-BPBD ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, anh Khổng Cường A; ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N đều kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo hướng đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm của các bị đơn phải trả tiền cho bà. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cấp sơ thẩm, do trước đây tôi và bà Hoàng Bích L cùng khởi kiện các bị đơn nên chúng tôi đã yêu cầu phong tỏa hai tài sản là thửa đất 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thửa đất 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m²; địa chỉ thửa đất lô LK.B2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn được đăng ký tên ông Khổng Cường A do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay bà xin rút yêu cầu phong tỏa đối với thửa đất 354, bà chỉ yêu cầu phong tỏa thửa đất 270 để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay của bà.

Bị đơn anh Khổng Cường A đề nghị chấp nhận nội dung kháng cáo của mình bởi theo những tài liệu được tiếp cận thì vợ anh được giao dịch mua bán tiền tài với bà Nguyễn Thị H chứ không có việc vay mượn tiền nong. Do đó bản án sơ thẩm buộc anh phải trả tiền cho bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N là bà Chu Thị Nguyễn P trình bày: Cấp sơ thẩm xác định số tiền 1.024.000.000 đồng do chị Phạm Thúy P vay của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở vì khi còn sống hai bên thường xuyên có giao dịch chuyển tiền với nhau từ số tài khoản 5150105666888 đến số tài khoản 8400020523553 mang tên anh Tô Văn H. Tuy nhiên việc giao dịch chuyển tiền là do bà Nguyễn Thị H và chị Phạm Thúy P mua bán tiền nhân dân tệ. Chị Nguyễn Thị Phượng bán tiền trung cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H trả tiền mua tiền trung cho chị Phạm Thúy P thông qua số tài khoản 8400020523553 mang tên anh Tô Văn H. Hai bên không có việc vay mượn tiền mà chỉ có bán tiền nhân dân tệ. Ngoài vụ án này ra, bà Nguyễn Thị H còn khởi kiện chị Hằng (là em dâu của chị Phạm Thúy P) và hình thức chuyển tiền cũng là qua tài khoản người khác, vậy tại sao bà Nguyễn Thị H lại không tiếp tục khởi kiện chị Phạm Thúy P. Cấp sơ thẩm căn cứ lời khai người làm chứng là bà Hoàng Bích L và chị Đỗ Thị Quỳnh A là vi phạm quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự nên lời khai này không có giá trị pháp lý. Cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với hai tài sản là thửa đất số 270 và thửa đất 354 là trái quy định bởi chưa xác định nguồn gốc tài sản hình thành và nếu có căn cứ thì số tiền mà nguyên đơn yêu cầu chỉ là một phần nhỏ trong khối tài sản đó, như vậy là không đảm bảo quyền lợi cho người liên quan.

Ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N nhất trí với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền và có ý kiến đề nghị từ chối hưởng di sản thừa kế do con gái để

lại. Tự nguyện để lại toàn bộ di sản cho con rể là anh Khổng Cường A và các cháu là Khổng Hoàng G, Khổng Anh T, Khổng Nhã C quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo thấy rằng ngày 20/5/2021, bà Nguyễn Thị H thực hiện giao dịch bằng 02 tài khoản là 5150400075007 và 5150105666888, đều mang tên Nguyễn Thị H tại Ngân hàng MB để chuyển tiền đến tài khoản số 84000205235530 chủ tài khoản Tô Văn H Ngân hàng Nông nghiệp, tổng số tiền chuyển là 2.461.150.000 đồng. Theo các tin nhắn zalo do bà Nguyễn Thị H cung cấp cho thấy trước ngày 20/5/2021 giữa bà Nguyễn Thị H và chị Phạm Thúy P đã nhiều lần giao dịch chuyển, trả tiền cho nhau đều qua trao đổi trên tài khoản zalo “Tho beo” và được chuyển khoản từ tài khoản của bà Nguyễn Thị H đến số tài khoản 8400205235530 tên Tô Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai đối với anh Tô Văn H, anh Tô Văn H cho rằng anh chỉ đứng tên tài khoản, còn người sử dụng tài khoản là chị Phạm Thúy P, lời khai của anh Tô Văn H phù hợp với lời khai những người làm chứng là chị Đỗ Quỳnh A, bà Hoàng Bích L đều trình bày khi cho chị Phạm Thúy P vay tiền đều chuyển vào tài khoản mang tên Tô Văn H và phù hợp với nội dung Công văn số 235NHNo.LS-KTNB.m/ngày 07/12/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc cung cấp thông tin khách hàng. Từ những nội dung nêu trên, có căn cứ xác định ngày 20/5/2021 bà Nguyễn Thị H đã chuyển khoản cho chị Phạm Thúy P 2.461.150.000 đồng, chị Phạm Thúy P đã trả 1.437.150.000 đồng, còn nợ bà Nguyễn Thị H 1.024.000.000 đồng là có căn cứ.

Do chị Phạm Thúy P đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phạm Thúy P có nghĩa vụ thực hiện trả nợ, gồm bố mẹ đẻ là ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N; chồng là anh Khổng Cường A; ba con là cháu Khổng Hoàng G, cháu Khổng Anh T và cháu Khổng Nhã C theo quy định khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Phạm Thúy P, anh Khổng Cường A có tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 270 tờ bản đồ số 26 diện tích 116,2m² và thửa đất số 354 tờ bản đồ số 22 diện tích 60,8m². Tại phiên tòa, bà Đinh Thị N, ông Phạm Trung T có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của chị Phạm Thúy P để lại, đồng thời hiện nay anh Khổng Cường A đang quản lý, sử dụng nhà trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 615 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Khổng Cường A có nghĩa vụ trả 1.024.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H theo quy định. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phạm Thúy P phải có nghĩa vụ trả nợ là chưa chính xác, khó khăn cho việc thi hành án.

Đối với việc bản án sơ thẩm quyết định tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 04 ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2021/QĐ-BPBD ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, thấy như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị H chỉ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án đối với thửa đất 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m² được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m² được đăng ký tên ông Khổng Cường A do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đề nghị Hội nghị xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N về nghĩa vụ trả nợ; chấp nhận anh Khổng Cường A, ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa 354. Không chấp nhận kháng cáo của anh Khổng Cường A về không trả nợ cho bà Hương số tiền 1.024.000.00 vì không có căn cứ. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 1.650.000 đồng chi phí tố tụng, do đó đề nghị sửa về phần chi phí tố tụng. Về án phí sơ thẩm, do xác định anh Khổng Cường A có nghĩa vụ trả nợ, do đó sửa về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, anh Khổng Cường A chịu toàn bộ án phí sơ thẩm; ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm, do sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trung K, bà Hoàng Hồng H, ông Nguyễn Văn C, anh Tô Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nói trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn anh Khổng Cường A, ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Chị Phạm Thúy P sinh năm 1984, chết ngày 26/5/2021, khi còn sống trú tại địa chỉ: Số 9, đường Phùng Chí Kiên, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị kết hôn với anh Khổng Cường A và sinh được ba người con là cháu Khổng Hoàng G, sinh năm 2010; cháu Khổng Anh T, sinh năm 2013; cháu Khổng Nhã C, sinh năm 2016. Chị có bố mẹ đẻ là ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N trú tại địa chỉ: Đường Đ, khu đô thị P, phường Vĩnh Trại, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Do trước đó đã có mối quan hệ thân quen nhiều năm và hai bên thường xuyên giao dịch vay mượn tiền nên ngày 20/5/2021, bà Nguyễn Thị H đã cho chị Phạm Thúy P vay số tiền 2.461.150.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản. Bà Nguyễn Thị H đã chuyển khoản số tiền 2.461.150.000 đồng cho chị Phạm Thúy P bằng 04 mã chuyển tiền gồm: Mã 1 là 300.000.000 đồng; mã 2 là 200.000.000 đồng; mã 3 là 61.150.000 đồng (3 mã đều được chuyển từ số tài khoản 5150400075007 tại Ngân hàng MB); mã 4 là 1.900.000.000 đồng (chuyển từ số tài khoản 5150105666888 tại Ngân hàng MB) đến số tài khoản 8400205235530 chủ tài khoản tên Tô Văn H tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn theo yêu cầu của chị Phạm Thúy P. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại xác định bà Nguyễn Thị H chuyển khoản số tiền 2.461.150.000 đồng cho chị Phạm Thúy P vay từ riêng số tài khoản 5150400075007 tại Ngân hàng MB là không đúng, nên cần đính chính lại nội dung này cho chính xác.

[5] Chị Phạm Thúy P khi còn sống tên thường gọi ở nhà là “T”, tên trên mạng xã hội Zalo là “Tho Beo” được đăng ký bằng số điện thoại 0915.481.184. Tại Công văn số 7312/VNPT-KTPCTT-TL ngày 06/12/2021 của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam khẳng định số điện thoại 0915.481.184 do anh Khổng Cường A đứng tên đăng ký sử dụng. Tuy nhiên người sử dụng thực tế số điện thoại 0915.481.184 là chị Phạm Thúy P khi còn sống. Chị Phạm Thúy P sử dụng tài khoản “Tho Beo” có nhắn tin hỏi vay tiền bà Nguyễn Thị H, cung cấp số tài khoản “8400205235530 Tô Văn H nông nghiệp tỉnh” để giao dịch chuyển tiền. Sau khi chuyển tiền xong, bà Nguyễn Thị H có chụp ảnh lại các mã chuyển tiền cho chị Phạm Thúy P xác nhận. Điều này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Hoàng Bích Liên, bà Đỗ Thị Quỳnh A là người cũng cho chị Phạm Thúy P vay tiền khi chị còn sống, các bà khẳng định khi giao dịch vay tiền với chị Phạm Thúy P đều chuyển vào số tài khoản 8400205235530 của Tô Văn H (là người làm thuê cho chị Phạm Thúy P) tại Ngân hàng Nông Nghiệp chi nhánh tỉnh Lạng Sơn.

[6] Mặt khác, tại phiếu đăng ký thông tin khách hàng của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn, anh Tô Văn H là người đứng tên mở số tài khoản 8400205235530. Tại mục đăng ký Mobile Banking, số điện thoại sử dụng tài khoản trên là số 0915.481.184 của chị Phạm Thúy P sử dụng khi còn sống. Các giao dịch chuyển - nhận tiền đến số tài khoản 8400205235530 thường xuyên giao dịch trên phần mềm chuyển tiền ngân hàng qua điện thoại, số điện thoại đăng ký giao dịch với Ngân hàng là số 0915.481.184. Các mã chuyển tiền giao dịch đều có nội dung giống nhau như: tho ck, T ck 11, tho ck 12, tho ck 13... Xét thấy, anh Tô Văn H chỉ là người làm thuê cho gia đình chị Phạm Thúy P, không có giao dịch làm ăn hoặc quen biết với bà Nguyễn Thị H; chị Phạm Thúy P vay tiền và yêu cầu bà Nguyễn Thị H chuyển khoản đến số tài khoản 8400205235530 để thực hiện việc nhận tiền vay. Vì vậy, có căn cứ khẳng định khi còn sống chị Phạm Thúy P có việc mượn tiền bà Nguyễn Thị H, tất cả giao dịch vay tiền được chuyển cho chị Phạm Thúy P đều thông qua tài khoản ngân hàng mang tên Tô Văn H. Vì vậy, bà Nguyễn Thị

H chuyển tiền vào số tài khoản 84000205235530 cho chị Phạm Thúy P vay là có căn cứ.

[7] Bà Nguyễn Thị H xác nhận ngày 20/5/2021, chị Phạm Thúy P trả cho bà số tiền là 390.000 nhân dân tệ (giá qui đổi 1 tệ là 3685 đồng, chị Phạm Thúy P đã trả $390.000 \text{ NDT} \times 3685 \text{ đồng/1 NDT} = 1.437.150.000$ đồng). Như vậy, chị Phạm Thúy P chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 1.024.000.000 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận.

[8] Tháng 5 năm 2021, chị Phạm Thúy P chết thể hiện tại Giấy báo tử số 39/GBT ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L. Do chết đột tử nên chị Phạm Thúy P không có di chúc. Tài sản của chị Phạm Thúy P để lại có thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 193535; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1030); được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hồ sơ đăng ký biến động 002297 CNVP ngày 19/9/2011 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lạng Sơn; trên đất có nhà 03 tầng. Vì vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phạm Thúy P nhận tài sản thừa kế thì phải có trách nhiệm thanh toán nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N là bố mẹ đẻ của chị Phạm Thúy P từ chối nhận di sản của chị Phạm Thúy P để lại, ông bà để lại phần di sản cho anh Khổng Cường A và các cháu ngoại là cháu Khổng Hoàng G, Khổng Anh T, Khổng Nhã C. Đối với tài sản là thửa đất 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m² được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hiện nay, anh Khổng Cường A là người trực tiếp quản lý di sản. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 615 Bộ luật Dân sự, anh Khổng Cường A phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể là phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.024.000.000 đồng mà vợ anh chị Phạm Thúy P đã vay. Cấp sơ thẩm xác định áp dụng khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phạm Thúy P phải có nghĩa vụ trả nợ là chưa chính xác, khó khăn cho việc thi hành án.

[10] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cấp sơ thẩm xác định tài sản của chị Phạm Thúy P để lại gồm: Thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thửa đất số 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m² được đăng ký tên ông Khổng Cường A do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng quy định. Thửa đất số 354 chưa có căn cứ xác minh quá trình hình thành tài sản, ai là chủ sử dụng hợp pháp. Ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Hồng H (là bố mẹ đẻ anh Khổng Cường A) là người trực tiếp đang quản lý thửa

đất 354. Mặt khác, đối với khoản vay do nguyên đơn đang yêu cầu chỉ là 1.024.000.000 đồng mà giá trị đối với hai tài sản trên được xác định tại phiên bản định giá là hơn 4.000.000.000 đồng, như vậy là không đảm bảo quyền lợi cho người có liên quan và vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H chỉ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 270, đề nghị Tòa án hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 354. Vì vậy, đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn cần phải hủy bỏ một phần đối với thửa đất số 354.

[11] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của anh Không Cường A, ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N về nội dung áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; các nội dung kháng cáo khác không được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000 đồng.

[13] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền là 3.300.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu số tiền 1.650.000 đồng do bà rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 354. Đối với số tiền còn lại là 1.650.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Không Cường A phải chịu chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 151, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H đã tạm ứng số tiền 1.650.000 đồng nên anh Không Cường A phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.650.000 đồng.

[14] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.390.000 đồng. Anh Không Cường A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.720.000 đồng.

[15] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Khổng Cường A; ông Phạm Trung T và bà Đinh Thị N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 158, 159, 160, 161, 165, 166, 217, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 615, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Giao đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 193535; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1030); được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hồ sơ đăng ký biến động 002297 CNVP ngày 19/9/2011 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Lạng Sơn cho anh Khổng Cường A được quyền quản lý sử dụng.

Anh Khổng Cường A có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.024.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Hủy bỏ một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn về cấm dịch chuyển tài sản quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,8m²; địa chỉ thửa đất lô LK.B2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 153168; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1090); được đăng ký tên ông Khổng Cường A do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/6/2009, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lạng Sơn đăng ký biến động ngày 16/7/2009.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn về cấm dịch chuyển tài sản quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 270, tờ bản đồ số 26, diện tích 116,2m²; địa chỉ thửa đất lô LK.C2 (bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị P), phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A0 193535; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T0 1030); được đăng ký tên bà Phạm Thúy P do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hồ sơ đăng ký biến động 002297 CNVP ngày 19/9/2011 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Lạng Sơn; trên đất có nhà 03 tầng.

4. Về chi phí tố tụng

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.650.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác nhận bà đã nộp đủ.

Anh Khổng Cường A phải chịu 1.650.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị H đã tạm ứng số tiền trên nên anh Khổng Cường A phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm

Anh Khổng Cường A phải chịu 42.720.000 đồng (bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 21.390.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số AA/2021/0000603 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về án phí phúc thẩm

Anh Khổng Cường A, ông Phạm Trung T, bà Đinh Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Khổng Cường A, bà Đinh Thị N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000919 và AA/2021/0000918 cùng ngày 10/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- TAND tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái